TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:134/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng – Ông Trần Danh Phú
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:453/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về:Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 271/2023/QĐST- HNGĐ ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:76/2023/QĐ-HPT ngày 12/12/2023, giữa các đương sự.

-**Nguyên đơn**: Ông Trần Đình H, sinh ngày 01/7/1978.
Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

-**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/8/1978.
Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, trình bày của nguyên tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T tổ chức cưới vào tháng 11 năm 2007.Trước khi cưới ông bà có quá trình tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Ông H, bà T làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số:189/2007,ngày 07/11/2007.Theo ông H sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2021 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, trong cuộc sống chung vợ chồng có nhiều tranh chấp xung đột cự cải, xử sự thiếu tôn trọng nhau.Do mâu thuẫn xẩy ra thường xuyên ngày

càng sâu sắc, trong lúc ông H vắng nhà bà T đã dọn dẹp đồ tư trang cá nhân, tự chia thóc lúa về sống với bên ngoại sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay.Từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay vợ chồng không hòa giải, không liên lạc để níu kéo hôn nhân.Quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã đổ vỡ không thể hàn gắn, ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T có với nhau 01 con chung: Cháu Trần Thị H1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 04/02/2008.Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H đi lại thăm nom chăm sóc thường xuyên.Con chung của vợ chồng được bà T nuôi dạy tốt, phát triển tích cực về mọi mặt trong quá trình vợ chồng sống ly thân. Nếu ly hôn con chung có nguyện vọng sống trực tiếp với bà T. Do con chung có nguyện vọng sinh sống với bà T, nên ông H đề nghị giao chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đ(Một triệu đồng), kể từ ngày được tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu bà có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu,chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được niêm yết, tống đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ông H, bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:189/2007,ngày 07/11/2007, nên xác định hôn nhân giữa ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa ông H bà T tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung, vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân. Do đó các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau. Hôn nhân giữa ông H, bà T tan rã đổ vỡ kể từ lúc vợ chồng sống ly thân. Sau khi sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức hòa giải, níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông H, bà T đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Trần Đình H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Kể từ tháng 11 năm 2021 đến nay con chung duy nhất của vợ chồng được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung phát triển về mọi mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung trong quá trình vợ chồng sống ly thân. Nay ông H đề nghị giao con chung theo hiện trạng là đúng với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội và nguyện vọng của con chung của vợ chồng được sinh sống trực tiếp với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của ông H, giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T trực tiếp nuôi con chung, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày được Tòa án giải quyết ly hôn là thể người bố có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của ông H.

- Về quan hệ tài sản: Ông Trần Đình H không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Buộc ông Trần Đình H phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Ông Trần Đình H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Trần Thị H1 (Giới tính: nữ), sinh

ngày 04/02/2008cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của ông Trần Đình H như sau:

Ông Trần Đình H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.000.000 đ (Bằng chữ: Một triệuđồng), kể từ tháng 12/2023 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu ông Trần Đình H không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Đình H người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc**:** Ông Trần Đình H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí ly hôn ông H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0001164 ngày 05/10/2023. Ông Trần Đình H còn phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ(Nơi ĐKKH).